

Ngày soạn: 4/9/2022

Bài 1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ  
Số tiết: 13 tiết

.....  
**Tiết 1-2:**

**TRI THỨC NGŨ VĂN**

**Văn bản 1. BẦY CHIM CHÌA VÔI** (Nguyễn Quang Thiều)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được đề tài và người kể chuyện ngôi thứ ba; phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, nhận biết được các chi tiết miêu tả hai nhân vật Mên, Mon (cử chỉ, hành động ngôn ngữ đối thoại, cảm xúc, suy nghĩ).
- HS biết tìm và phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát tính cách nhân vật và cảm nhận về chủ đề của truyện.
- HS biết kết nối VB với trải nghiệm cá nhân; từ đó bồi đắp cho mình cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu thiên nhiên, lòng trân trọng sự sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bầy chim chìa vôi*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bầy chim chìa vôi*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Cảm nhận và yêu vẻ đẹp của thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Quang Thiều;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Bầy chim chìa vôi*.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ về một trải nghiệm vui, hạnh phúc của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS về một trải nghiệm vui, hạnh phúc của bản thân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV mời một số HS chia sẻ về một trải nghiệm vui, hạnh phúc của bản thân:  
*Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ em. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ về trải nghiệm vui, hạnh phúc của bản thân để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp về kỉ niệm vui, hạnh phúc của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ về kỉ niệm vui, hạnh phúc trước lớp.  
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ai cũng có bầu trời tuổi thơ cho riêng mình. Ở bầu trời đó, ta thấy được cách nhìn, cách cảm nhận thế giới khi ta còn là một đứa trẻ. Mon và Mên trong câu chuyện **Bầy chim chìa vôi** cũng có được bầu trời tuổi thơ cho riêng mình. Hai cậu đã nhìn thế giới bằng con mắt của tình yêu thương, sự quan tâm. Cụ thể Mon và Mên đã nhìn nhận và cảm nhận thế giới như thế nào, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay.*

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề *Bầu trời tuổi thơ* và thể loại các tác phẩm có trong chủ đề. Nắm được các khái niệm về đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài *Bầu trời tuổi thơ*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài *Bầu trời tuổi thơ*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS:</p> <p>+ Đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i>, khái quát chủ đề <i>Bầu trời tuổi thơ</i>.</p> <p>+ Nêu tên và thể loại các VB đọc chính và VB đọc kết nối chủ đề.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p>	<p><b>I. Tri thức ngữ văn</b></p> <p><b>1. Giới thiệu bài học</b></p> <p>- Chủ đề <i>Bầu trời tuổi thơ</i> bao gồm các văn bản với điểm nhìn của các nhân vật trẻ con. Các nhân vật này đã có cách cảm nhận và ứng xử với thế giới rất riêng biệt.</p> <p>- Tên và thể loại của các VB đọc chính và VB đọc kết nối chủ đề:</p>

<p>- HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> và tìm tên các VB trong bài 1.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Thể loại</b>
	Bầy chim chìa vôi	Truyện ngắn
	Đi lấy mật	Tiểu thuyết
	Ngàn sao làm việc	Thơ

### Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ và

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài *Đồng dao mùa xuân*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài *Đồng dao mùa xuân*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS:</p> <p>+ Đọc các thông tin về đề tài, chi tiết và tính cách nhân vật trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i>.</p> <p>+ Lấy ví dụ một văn bản, nêu các thông tin: đề tài và tính cách nhân vật.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS đọc các thông tin trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i>, lấy ví dụ trong một văn bản cụ thể.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét. Ví dụ: VB <i>Bầy chim chìa vôi</i>:</p> <p>+ Đề tài: trẻ em.</p> <p>+ Tính cách nhân vật: Mon và Men là những đứa trẻ trong sáng, có tình yêu với thiên nhiên muôn loài.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p>- GV bổ sung kiến thức:</p> <p><b>1. Đề tài thuộc phương diện nội dung của tác phẩm.</b></p>	<p><b>2. Tri thức ngữ văn</b></p> <p><i>Đề tài và chi tiết</i></p> <p>- Đề tài là phạm vi đời sống được thể hiện trong tác phẩm văn học.</p> <p>- Phân loại:</p> <p>+ Sự kiện được miêu tả (đề tài chiến tranh, đề tài trinh thám, đề tài phiêu lưu,...)</p> <p>+ Không gian được tái hiện (đề tài miền núi, đề tài nông thôn, đề tài thành thị,...)</p> <p>+ Loại nhân vật được đặt ở vị trí trung tâm của tác phẩm (đề tài trẻ em, đề tài người nông dân, đề tài người lính,...),...</p> <p>- Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình</p>

<p>Qua đề tài, người đọc nhận thấy tác giả quan tâm, am hiểu mảng hiện thực nào, trần trở, nghiền ngẫm về điều gì. Thường mỗi nhà văn có một đề tài quen thuộc của mình, dù không hoàn toàn bị trói chặt vào đó. VD về đề tài của các nhà văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tô Hoài: đề tài loài vật, đề tài miền núi.</li> <li>+ Đoàn Giỏi: đề tài đất phương Nam.</li> <li>+ Nguyễn Tuân: đề tài vẻ đẹp một thời vang bóng.</li> <li>+ Phạm Tiến Duật: đề tài Trường Sơn.</li> <li>+ Nguyễn Quang Thiều: đề tài làng Chùa của tuổi thơ và cội nguồn thi ca.</li> </ul> <p><b>2. Chi tiết tiêu biểu</b> (chi tiết có tính nghệ thuật) giữ vai trò trung tâm, có tác dụng làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được nói tới. Những chi tiết tiêu biểu được lặp lại thường có vai trò rất quan trọng. VD: Chi tiết “màu lúa mì” được lặp lại 3 lần trong đoạn trích <i>Nếu cậu muốn có một người bạn...</i> (trích <i>Hoàng tử bé</i>, Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri) vừa thể hiện được cảm xúc, tâm trạng, tính cách của nhân vật cáo, vừa nhấn mạnh được ý nghĩa, vai trò của tình bạn. Qua cách cảm nhận về “màu lúa mì” khi chưa có bạn, khi có bạn và cả lúc phải chia tay bạn, ta thấy nhân vật cáo thông minh, tinh tế, khát khao được kết bạn với hoàng tử bé và rất trân trọng tình bạn ấy. Sự biến đổi của “màu lúa mì” cũng là cách nhà văn ngợi ca tình bạn – tình cảm khiến cho thế giới quanh ta trở nên tươi sáng, rực rỡ; sưởi ấm tâm hồn con người kể cả khi phải xa cách bạn về không gian.</p>	<p>tượng (thiên nhiên, con người, sự kiện,...), đem lại sự sinh động, lôi cuốn cho tác phẩm văn học.</p> <p>- <i>Tính cách nhân vật</i>: là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,... qua các mối quan hệ, qua lời kể và suy nghĩ của nhân vật khác.</p>
---	---

**Hoạt động 3: Đọc văn bản**

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Bầy chim chìa vôi*.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Bầy chim chìa vôi*.
- c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được một số nét về tác giả Nguyễn Quang Thiều và thông tin tác phẩm *Bầy chim chìa vôi*.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1: Đọc, kể, tóm tắt VB</b>  <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b>                      - GV giao nhiệm vụ và đặt câu hỏi cho HS, yêu cầu HS làm việc theo bàn:                      + Truyện kể về nhân vật nào?</p>	<p><b>II. Tìm hiểu chung</b>  <b>1. Đọc – kể tóm tắt</b>                      - Nhân vật chính: Mon, Men.                      - Ngôi kể: Ngôi thứ ba.                      - Đề tài: Trẻ em.                      - Bố cục: 4 phần.                      + Phần 1: Từ đầu... <i>nằm im, nhưng</i></p>

<p>+ Nội dung câu chuyện xoay quanh sự kiện chính nào?</p> <p>+ Em hãy xác định đề tài, ngôi kể và bố cục của truyện <i>Bầy chim chìa vôi</i>.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS làm việc theo bàn, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.</p>	<p><i>không ngủ</i>: Cuộc trò chuyện của hai anh em Mên và Mon lúc nửa đêm.</p> <p>+ Phần 2: Tiếp... <i>bắt đầu mùa sinh nở của chúng</i>. [...]: Thói quen làm tổ và đẻ trứng của bầy chim chìa vôi ở bãi sông quê của Mên và Mon.</p> <p>+ Phần 3: <i>Mùa mưa năm nay... cứ lấy đờ của ông Hảo mà đi</i>. [...]: Cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon lại tiếp tục, thể hiện sự lo lắng của hai anh em cho bầy chìa vôi non.</p> <p>+ Phần 4: Phần còn lại: Hai anh em lên bờ sông vì lo cho bầy chim chìa vôi và kết quả của bầy chìa vôi.</p>
---	--

**Hoạt động 4: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm văn bản, tập tính bầy chim cũng như tính cách của các nhân vật Mên, Mon trong văn bản *Bầy chim chìa vôi*. Biết các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Bầy chim chìa vôi*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Bầy chim chìa vôi*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc phần Thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt những ý chính.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</b></p>	<p><b>2. Tác giả</b></p> <p>- Nguyễn Quang Thiều (1957), - Quê quán: Hà Nội. - Ông sáng tác thơ, viết truyện, vẽ tranh,...</p> <p>- Hiện là Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam.</p> <p>- Một số tập truyện dành cho thiếu nhi: <i>Bí mật hồ cá thần</i> (1998), <i>Con quỳ gỗ</i> (2000), <i>Ngọn núi bà già mùa</i> (2001)...</p> <p>- Nội dung: tác phẩm viết cho thiếu nhi thể hiện sự chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường; thể hiện sự nhạy cảm, trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật của tâm hồn trẻ thơ.</p>

<p><b>nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.</li> </ul> <p><b>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tập tính bầy chim chìa vôi</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS:</li> <li>+ Đọc lại phần 2 của VB (đoạn từ <i>Có lẽ bố chúng... mùa sinh nở của chúng. [...]</i>) và nêu tập tính của bầy chim chìa vôi ở làng của Mên và Mon. GV gợi ý HS: <i>Bầy chim chìa vôi ở đây làm tổ có gì đặc biệt?</i></li> <li>+ Nêu dẫn chứng chứng minh tập tính của bầy chim chìa vôi là thật.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc lại đoạn 2 và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung. Dự kiến sản phẩm:</li> <li>+ Bầy chim chìa vôi làm tổ ở bãi cát giữa sông, khi mùa mưa đến, chúng mới bay vào bờ.</li> <li>+ Tập tính này được kiểm chứng qua lời nói của bố Mên, Mon cũng như cảnh tượng mà hai anh em đã nhìn thấy tận mắt.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</li> </ul> <p><b>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhân vật Mên (anh)</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:</li> </ul>	<p><b>3. Tác phẩm Bầy chim chìa vôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Bầy chim chìa vôi</i> là truyện ngắn được rút từ tập <i>Mùa hoa cải bên sông</i>, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012, tr. 136 – 146.</li> </ul> <p><b>III. Tìm hiểu chi tiết</b></p> <p><b>1. Tập tính của bầy chim chìa vôi (chỉ ở khúc sông làng của Mên và Mon)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm tổ:</li> <li>+ Không làm tổ trên bờ.</li> <li>+ Làm tổ ở dải cát giữa sông Đáy mùa nước cạn bằng những đám rong héo, sau đó đẻ trứng.</li> <li>- Những con chim chìa vôi con tập bay lần đầu khi:</li> <li>+ Những đám mây ở Hòa Bình bay về, báo hiệu mùa mưa.</li> <li>+ Vòng vây của nước ập vào phần cuối cùng của bãi cát.</li> <li>- Đến mùa khô sang năm: lại ra dải cát nổi bắt đầu mùa sinh nở.</li> </ul> <p><b>2. Nhân vật Mên (anh)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lo lắng cho bầy chim chìa vôi:</li> <li>+ Tỉnh giấc trước Mon.</li> <li>+ Mon rủ đi đêm ra bờ sông để xem</li> </ul>
--	--

<p><i>Nêu tính cách của nhân vật Mên.</i></p> <p>- GV gợi ý: <i>Nêu một số chi tiết miêu tả nhân vật Mên ở phần (3). Em hãy dựa vào các chi tiết đó để khái quát tính cách của nhân vật Mên.</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p><b>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật Mon (em)</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV đặt câu hỏi nhanh, yêu cầu HS trả lời: <i>Mon có tính cách như thế nào?</i></p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi: <i>Trong cuộc trò chuyện ở phần (2), Mon nói với Mên những chuyện gì? Nội dung cuộc trò chuyện ấy giúp em nhận ra được những nét tính cách nào của nhân vật Mon?</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS trả lời nhanh, sau đó làm việc theo cặp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời một số HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.</p> <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ Trong cuộc trò chuyện ở phần (2), Mon nói với Mên: Nói về bầy chìa vôi và bố kéo chum, Mon thả cá bóng đi.</p>	<p>bầy chìa vôi là đi ngay.</p> <p>- Trưởng thành hơn so với Mon, ra dáng người anh:</p> <p>+ Trưởng thành hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thức dậy trước Mon</li> <li>▪ Khi Mon lo lắng, sợ hãi thì Mên không hề mất bình tĩnh.</li> </ul> <p>+ Cố tỏ ra người lớn để bảo vệ Mon và giữ được con đò:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giọng tỏ vẻ người lớn: <i>Chứ còn sao; Nào xuống đò được rồi đấy; Phải kéo về bến chứ, không thì chết.</i></li> <li>▪ Mình làm phần nặng, còn để Mon giúp sức: Khi đưa đò về bến, quán cái dây buộc đò vào người và gò lưng kéo → Dù quá sức nhưng vẫn cố gắng.</li> </ul> <p><b>3. Nhân vật Mon (em)</b></p> <p>- Câu chuyện về bầy chìa vôi:</p> <table border="1" data-bbox="762 1077 1337 1771"> <thead> <tr> <th>Chi tiết</th> <th>Ý nghĩa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thắc mắc về tính thực hư và hình ảnh bầy chìa vôi bay từ bãi cát vào bờ.</td> <td>Lo lắng tổ chim có bị ngập không, bầy chim non có bị chết không.</td> </tr> <tr> <td>Muốn lợi ra bờ sông đem bầy chìa vôi vào bờ.</td> <td>Tìm cách để cứu chúng.</td> </tr> <tr> <td>Sau khi nói về câu chuyện bố kéo chum và bản thân thả con cá bóng, lại quay lại câu chuyện về bầy chìa vôi.</td> <td>Nỗi lo lắng trở đi trở lại, thường trực của Mon là bầy chìa vôi sống sót vào bờ.</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Câu chuyện về bố kéo chum và con cá măng, cá bóng:</p> <p>+ Bố kéo chum được một con cá măng và một con cá bóng rất đẹp.</p> <p>+ Mon lấy trộm con cá bóng thả ra cống sông.</p>	Chi tiết	Ý nghĩa	Thắc mắc về tính thực hư và hình ảnh bầy chìa vôi bay từ bãi cát vào bờ.	Lo lắng tổ chim có bị ngập không, bầy chim non có bị chết không.	Muốn lợi ra bờ sông đem bầy chìa vôi vào bờ.	Tìm cách để cứu chúng.	Sau khi nói về câu chuyện bố kéo chum và bản thân thả con cá bóng, lại quay lại câu chuyện về bầy chìa vôi.	Nỗi lo lắng trở đi trở lại, thường trực của Mon là bầy chìa vôi sống sót vào bờ.
Chi tiết	Ý nghĩa								
Thắc mắc về tính thực hư và hình ảnh bầy chìa vôi bay từ bãi cát vào bờ.	Lo lắng tổ chim có bị ngập không, bầy chim non có bị chết không.								
Muốn lợi ra bờ sông đem bầy chìa vôi vào bờ.	Tìm cách để cứu chúng.								
Sau khi nói về câu chuyện bố kéo chum và bản thân thả con cá bóng, lại quay lại câu chuyện về bầy chìa vôi.	Nỗi lo lắng trở đi trở lại, thường trực của Mon là bầy chìa vôi sống sót vào bờ.								

<p>+ Nội dung cuộc trò chuyện ấy giúp em nhận ra được Mon là nhân vật có tính cách trong sáng, yêu thương muôn loài.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p><b>Nhiệm vụ 5: So sánh tính cách nhân vật Mên và Mon</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận, so sánh hai nhân vật Mên và Mon. GV đặt câu hỏi gợi ý:</p> <p>+ <i>Những điểm giống giữa Mên và Mon là gì?</i></p> <p>+ <i>Điều gì khiến hai anh em Mên, Mon lo lắng khi thấy mưa to và nước đang dâng cao ngoài bãi sông? Chi tiết nào thể hiện rõ nhất điều đó?</i></p> <p>+ <i>Trong đoạn kết của truyện, Mên và Mon hình như không hiểu vì sao mình lại khóc. Em hãy giúp các nhân vật lí giải điều đó.</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt đáp án:</p> <p>+ Điều khiến hai anh em Mên, Mon lo lắng khi thấy mưa to và nước đang dâng cao ngoài bãi sông là những con chim chìa vôi non có thể bay vào bờ được không.</p>	<p>+ Nước sông dâng cao làm ngập cả cái hốc cắm sào đò.</p> <p>→ Mon là một nhân vật trong sáng, có sự ngây ngô của trẻ thơ, yêu thương các loài động vật: lo lắng cho bầy chìa vôi, thả con cá bóng đi.</p> <p><b>4. So sánh Mên và Mon</b></p> <table border="1" data-bbox="762 607 1337 1899"> <thead> <tr> <th></th> <th>Mên</th> <th>Mon</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>Giống</b></td> <td colspan="2">           - Có tình yêu thiên nhiên, loài vật, đặc biệt là bầy chim chìa vôi.            - Đều là những đứa trẻ, có sự ngây thơ và nghịch ngợm nhẹ nhàng, đáng yêu.         </td> </tr> <tr> <td><b>Khác</b></td> <td>           Trưởng thành hơn so với Mon:            - Lo lắng cho bầy chim, dậy trước Mon nhưng không nói ra.            - Lắng nghe Mon nói.            - Khi Mon lo lắng, sợ hãi thì Mên vẫn giữ được bình tĩnh.            - Tô ra người lớn, bảo vệ Mon và giữ được con đò.         </td> <td>           - Thể hiện thành thật suy nghĩ của bản thân ra cho Mên biết.            - Biết chia sẻ và làm anh vui (kể chuyện bó kéo chũm và Mon lén thả con cá bóng).         </td> </tr> </tbody> </table>		Mên	Mon	<b>Giống</b>	- Có tình yêu thiên nhiên, loài vật, đặc biệt là bầy chim chìa vôi. - Đều là những đứa trẻ, có sự ngây thơ và nghịch ngợm nhẹ nhàng, đáng yêu.		<b>Khác</b>	Trưởng thành hơn so với Mon: - Lo lắng cho bầy chim, dậy trước Mon nhưng không nói ra. - Lắng nghe Mon nói. - Khi Mon lo lắng, sợ hãi thì Mên vẫn giữ được bình tĩnh. - Tô ra người lớn, bảo vệ Mon và giữ được con đò.	- Thể hiện thành thật suy nghĩ của bản thân ra cho Mên biết. - Biết chia sẻ và làm anh vui (kể chuyện bó kéo chũm và Mon lén thả con cá bóng).
	Mên	Mon								
<b>Giống</b>	- Có tình yêu thiên nhiên, loài vật, đặc biệt là bầy chim chìa vôi. - Đều là những đứa trẻ, có sự ngây thơ và nghịch ngợm nhẹ nhàng, đáng yêu.									
<b>Khác</b>	Trưởng thành hơn so với Mon: - Lo lắng cho bầy chim, dậy trước Mon nhưng không nói ra. - Lắng nghe Mon nói. - Khi Mon lo lắng, sợ hãi thì Mên vẫn giữ được bình tĩnh. - Tô ra người lớn, bảo vệ Mon và giữ được con đò.	- Thể hiện thành thật suy nghĩ của bản thân ra cho Mên biết. - Biết chia sẻ và làm anh vui (kể chuyện bó kéo chũm và Mon lén thả con cá bóng).								



+ Chi tiết thể hiện rõ nhất điều đó: Những câu hỏi của Mon: “Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất”, “Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?”,...

+ Mên và Mon đã rất lo lắng cho bầy chim chìa vôi non, sợ chúng bị chết đuối khi bãi sông bị ngập hết. Nửa đêm hai anh em thức dậy, nghe tiếng mưa to cũng chỉ nói với nhau về bầy chim chìa vôi, rủ nhau bơi thuyền đi cứu chúng. Lúc bình minh, Mên và Mon hồi hộp theo dõi từng cánh chim non bay lên khỏi dòng nước lũ. Cho nên, khi thấy tất cả những con chim chìa vôi đều bay được vào bờ, hai anh em đã khóc vì vui sướng, hạnh phúc.

- GV chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

### **Nhiệm vụ 6: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa.**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy tổng kết về nghệ thuật và nội dung của văn bản.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

#### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.

#### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

### **III. Tổng kết**

#### **1. Nội dung – ý nghĩa**

- Văn bản kể về câu chuyện của anh em Mên, Mon lo lắng cho bầy chim chìa vôi làm tổ ở bãi cát giữa sông Đáy. Truyện gợi lên màu sắc về tuổi thơ và sự hòa hợp của con người với thiên nhiên.

#### **2. Nghệ thuật**

- Sử dụng các lời đối thoại với ngôn ngữ phù hợp với trẻ em, phản ánh đúng tâm lí đặc điểm nhân vật.

- Không gian được miêu tả mang nét riêng biệt.

### **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Bầy chim chìa vôi* đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra được các phương án đúng theo nội dung đã học của văn bản Bầy chim chìa vôi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm bằng cách lần lượt nêu các câu hỏi, sau đó chốt đáp án:

**Câu 1.** Ai là tác giả của truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi*?

- A. Nguyễn Quang Thiều                      B. Đoàn Giỏi  
C. Võ Quảng                                      D. Tô Hoài

**Câu 2.** Trong truyện *Bầy chim chìa vôi*, Mon đã thả con vật gì đi?

- A. Thả con chim chìa vôi non      B. Thả con cá măng.  
C. Thả con cá bông.                      D. Cả B và C đều đúng.

**Câu 3.** Vì sao Mên và Mon lại khóc trong đoạn kết của truyện?

- A. Vì Mên và Mon không kéo được chiếc dò vào bờ.  
B. Vì hai anh em bị bố mắng do đi chơi đêm.  
C. Vì hai anh em vui sướng, hạnh phúc khi thấy tất cả những con chim chìa vôi đều bay được vào bờ.  
D. Vì mưa làm cho cả hai anh em ướt nhẹp.

**Câu 4.** Trong truyện, bầy chim chìa vôi làm tổ trên bãi cát của con sông nào?

- A. Sông Hồng                                      B. Sông Đuống  
C. Sông Đáy                                      D. Sông Thao

**Câu 5.** Truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi* được trích trong tập truyện nào?

- A. Người kể chuyện lúc nửa đêm và những giấc mộng  
B. Mùa hoa cải bên sông  
C. Trong ngôi nhà của mẹ  
D. Mùi của ký ức

**Câu 6.** Khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh trong mắt hai đứa trẻ được so sánh với điều gì?

- A. Một bài thơ                                      B. Thần thoại  
C. Truyện cổ tích                                      D. Huyền thoại

**Câu 7.** Trên bãi cát, bầy chim chìa vôi làm tổ bằng gì?

- A. Làm tổ bằng đất.  
B. Làm tổ bằng rơm.  
C. Dùng miệng tiết ra nước bọt để làm tổ.  
D. Làm tổ bằng những đám rong sông tốt bời bời héo dần.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc câu hỏi trắc nghiệm về bài học *Bầy chim chìa vôi*, suy nghĩ nhanh để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
<b>A</b>	<b>C</b>	<b>C</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>D</b>	<b>D</b>

#### **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Bầy chim chìa vôi* để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon và Mên (ngôi thứ nhất).

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (5 – 7 câu) kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon và Mên (ngôi thứ nhất).*

- GV hướng dẫn HS:

+ Tìm ý và lựa chọn nhân vật người kể chuyện.

+ Đoạn văn cần sử dụng ngôi kể thứ nhất, lựa chọn giọng kể phù hợp và kể lại được nội dung sự việc.

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn.

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 HS trình bày đoạn văn của mình trước lớp bằng cách chiếu lên bảng.

##### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày đoạn văn trước lớp.

##### **\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Bầy chim chìa vôi*.

+ Soạn bài: Thực hành tiếng Việt trang 17.

## TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ, TỪ LÁY

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS củng cố kiến thức về trạng ngữ, nhận biết được thành phần trạng ngữ trong câu.
- HS hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần trạng ngữ của câu bằng cụm từ.
- HS biết mở rộng thành phần trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

##### 2. Năng lực

###### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

###### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định trạng ngữ của câu.
- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

##### 3. Phẩm chất:

- Cảm nhận và yêu vẻ đẹp của thiên nhiên.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

##### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

#### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

##### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học về mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ, từ láy.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS nhớ lại kiến thức đã học từ tiểu học.

**c. Sản phẩm:** Đặt câu và xác định được trạng ngữ trong câu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

##### Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và đặt một câu văn và xác định thành phần trạng



ngữ có trong câu đó.

### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ về trải nghiệm vui, hạnh phúc của bản thân để trình bày trước lớp.

### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS lên bảng viết câu văn và chỉ ra trạng ngữ

Ví dụ: Hôm qua em đến trường.

*Trạng ngữ*

### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong chương trình Tiếng Việt lớp 4, các em đã được học về trạng ngữ với chức năng bổ sung thông tin cho câu (trạng ngữ về thời gian, nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích...). Bài học hôm nay sẽ giúp các em nhận biết được đầy đủ hơn đặc điểm và chức năng của trạng ngữ.*

## **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

### **Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nắm được kiến thức về tác dụng của việc mở rộng thành phần trạng ngữ của câu bằng cụm từ và biết mở rộng thành phần trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời các kiến thức mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ và từ láy.

### **d. Tổ chức thực hiện:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
<p><b>Nhiệm vụ 1: Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát phần ví dụ SGK, trang 17. Chỉ ra trạng ngữ trong hai câu sau, nhận xét về ý nghĩa của trạng ngữ trong hai câu đó</p> <p>(1) <i>Đêm, trời mưa như trút nước.</i></p> <p>(2) <i>Đêm hôm đó, trời mưa như trút nước.</i></p> <p>- Từ đó, GV yêu cầu HS khái quát tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe câu hỏi, chỉ ra trạng ngữ</p>	<p><b>1. Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ và từ láy</b></p> <p><b>a. Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ</b></p> <p>- Tác dụng: Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ giúp câu cung cấp thêm được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.</p>

<p>trong câu.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Gợi ý trả lời:</p> <p>Trạng ngữ trong câu (1) là một từ, trạng ngữ trong câu (2) là cụm từ.</p> <p>→ Trạng ngữ trong câu (2) được mở rộng hơn so với trạng ngữ trong câu (1), ý nghĩa rõ ràng hơn, cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc trời mưa như trút nước.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p><b>Nhiệm vụ 2: Từ láy</b></p> <p>- GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức lớp 6, thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ <i>Từ láy là gì?</i></p> <p>+ <i>Có những loại từ láy nào?</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe câu hỏi, thảo luận và trả lời kiến thức liên quan đến từ láy.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p><b>b. Từ láy</b></p> <p>- <i>Khái niệm:</i> là dạng đặt biệt của từ phức, được cấu tạo từ 2 tiếng, trong đó phần nguyên âm hoặc phụ âm được láy giống nhau hoặc chỉ 1 phần nguyên âm và phụ âm láy như nhau.</p> <p>- Phân loại:</p> <p>+ Từ láy bộ phận: là loại từ được láy giống nhau cả phần âm, vần và dấu câu.</p> <p>+ Từ láy toàn bộ: là loại từ được láy giống nhau cả phần âm, vần và dấu câu.</p>
---	---

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về tiếng việt

GV: Trương Tấn Mẫn

14

Trường THCS Hành Tín

Tây

**b. Nội dung:** GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành các bài tập trong sách giáo khoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Bài tập 1**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, làm bài tập 1 trang 17, 18

+ Nhóm 1: ý a

+ Nhóm 3: ý c

+ Nhóm 2: ý b

+ Nhóm 4: ý d

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

a. Trạng ngữ *suốt từ chiều hôm qua* không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ hôm qua mà còn cho thấy quá trình xảy ra sự việc: bắt đầu vào buổi chiều ngày hôm qua và kéo dài.

b. Trạng ngữ *trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng* không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ trong gian phòng mà còn cho thấy đặc điểm của căn phòng (lớn, tràn ngập ánh sáng).

c. Trạng ngữ *qua một đêm mưa rào* không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ qua một đêm mà còn cho thấy đặc điểm của đêm (mưa rào).

d. Trạng ngữ *trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ* không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ trên nóc một lô cốt mà còn cho thấy đặc điểm và vị trí của lô cốt (cũ, kề bên một xóm nhỏ).

**Nhiệm vụ 1: Bài tập 1**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, làm bài tập 1 trang 17, 18

+ Nhóm 1: ý a

+ Nhóm 3: ý c

+ Nhóm 2: ý b

+ Nhóm 4: ý d

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời các nhóm hoàn thành đáp án vào bảng phụ và dán lên bảng. Các nhóm nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

a. Trạng ngữ *suốt từ chiều hôm qua* không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ hôm qua mà còn cho thấy quá trình xảy ra sự việc: bắt đầu vào buổi chiều ngày hôm qua và kéo dài.

b. Trạng ngữ **trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng** không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ trong gian phòng mà còn cho thấy đặc điểm của căn phòng (lớn, tràn ngập ánh sáng).

c. Trạng ngữ **qua một đêm mưa rào** không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ qua một đêm mà còn cho thấy đặc điểm của đêm (mưa rào).

d. Trạng ngữ **trên nóc một lô cốt cũ kê bên một xóm nhỏ** không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ trên nóc một lô cốt mà còn cho thấy đặc điểm và vị trí của lô cốt (cũ, kê bên một xóm nhỏ).

### **Nhiệm vụ 2: Bài tập 2**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: mỗi HS viết một câu có trạng ngữ là một từ. Sau đó, mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ, nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm trạng ngữ trong câu.

#### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

#### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất đọc câu trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

### **Nhiệm vụ 3: Bài tập 3**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, tìm từ lấy trong bài tập 3 và nêu tác dụng.

#### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

#### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi 3-4 nhóm bất kì mang bài tập lên chấm. HS cả lớp chú ý theo dõi và nhận xét.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

### **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành các bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

d. **Tổ chức thực hiện:**

#### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1.** Từ láy là gì?

A. Từ láy là những từ có các tiếng được ghép lại với nhau tạo thành.

B. Từ láy là những từ có sự đối xứng âm với nhau

C. Từ láy là những từ có các tiếng lặp lại hoàn toàn, một số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi thanh điệu, giống nhau phần phụ âm đầu hoặc phần vần

D. Từ láy là những từ ghép có âm giống nhau.



**Câu 2.** Tìm từ láy trong câu sau: “Mặt mũi nó lúc nào cũng nhăn nhó như bà già đau khổ”?

- A. Mặt mũi
- B. Nhăn nhó
- C. Bà già
- D. Đau khổ

**Câu 3.** Từ “nhem nhuốc” là từ láy toàn phần, đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

**Câu 4.** Dòng nào nói đúng nhất các loại từ có thể làm trạng ngữ trong câu?

- A. Danh từ, động từ, tính từ
- B. Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ
- C. Các quan hệ từ
- D. Cả A và B đều đúng

**Câu 5.** Dòng nào nói đúng nhất các loại từ có thể làm trạng ngữ trong câu?

- A. Danh từ, động từ, tính từ
- B. Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ
- C. Các quan hệ từ
- D. Cả A và B đều đúng

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS giơ tay nhanh nhất để trả lời và có tính điểm.

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5
<b>Đáp án</b>	A	B	A	D	D

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

- + Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 7 tập 1.
- + Soạn bài: **Đi lấy mật** trang 18.

Ngày soạn: 8/9/2022

**TIẾT 4-5:**  
**Văn bản 2. ĐI LẤY MẬT**  
(Đoàn Giỏi)

## I. MỤC TIÊU

### 1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS xác định được đề tài (thiên nhiên, con người phương Nam) và người kể chuyện (ngôi thứ nhất); nhận biết được tính cách của các nhân vật trong đoạn trích *Đi lấy mật*: tía nuôi, An và Cò.
- HS biết lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm tính cách của từng nhân vật; nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong đoạn trích; hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả.

### 2. Năng lực

#### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

#### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Đi lấy mật*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Đi lấy mật*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

### 3. Phẩm chất:

- Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mỹ trước thiên nhiên, con người.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn Đoàn Giỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Đi lấy mật*.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ về một vùng đất từng đến thăm.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS về một trải nghiệm của bản thân.

### d. Tổ chức thực hiện:

#### Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV mời một số HS chia sẻ về một trải nghiệm: *Kể về một vùng đất em đã từng đến thăm, em có cảm nhận như thế nào về cảnh sắc thiên nhiên và con người vùng đất đó?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp về trải nghiệm của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã mạnh dạn chia sẻ trải nghiệm của mình.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

*Mỗi vùng đất mà chúng ta đi qua luôn để lại ấn tượng về thiên nhiên, con người nơi đó. Nhà văn Đoàn Giỏi bằng góc nhìn tinh tế, chân thực của mình về thiên nhiên và con người mảnh đất cuối trời phương Nam đã viết nên cuốn tiểu thuyết nổi tiếng Đất rừng phương Nam. Trong tiết học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu đoạn trích **Đi lấy mật** để cùng nhau trải nghiệm qua trang sách về một vùng đất đầy thi vị.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Đi lấy mật*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Đi lấy mật*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được một số nét về tác giả Đoàn Giỏi và thông tin tác phẩm *Đi lấy mật*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS trình bày phần chuẩn bị ở nhà về tác giả, tác phẩm.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV đánh giá kết quả thực hiện</p>	

<p>nhiệm vụ, chốt kiến thức.</p> <p><b>Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tự đọc văn bản; chia đoạn và yêu cầu một số HS đứng lên đọc bài.</li> <li>- GV yêu cầu HS sau khi đọc: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tóm tắt văn bản</li> <li>+ Xác định nhân vật, ngôi kể, bố cục của văn bản.</li> <li>+ Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa các nhân vật trong văn bản.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tóm tắt văn bản, xác định ngôi kể, nhân vật.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.</li> </ul> <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong đoạn trích có 4 nhân vật: tía nuôi, má nuôi, An và Cò.</li> <li>-Mối quan hệ của các nhân vật: Cò là con đẻ của tía má, An là con nuôi của tía má.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.</li> </ul>	<p><b>I. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc – kể tóm tắt</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất</li> <li>- Nhân vật: tía nuôi, An và Cò.</li> </ul>
---	---

### Hoạt động 2: Khám phá văn bản

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được tính cách của các nhân vật trong đoạn trích: tía nuôi, An và Cò; cảm nhận được vẻ đẹp thiên nhiên của đất rừng phương Nam.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Đi lấy mật*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Đi lấy mật*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác</b>	<b>I. Tìm hiểu chung</b>



<p>câu hỏi sau</p> <p>+ Thiên nhiên được miêu tả trong không gian nào?</p> <p>+ Tìm những chi tiết cho thấy sự thay đổi của thiên nhiên ở những thời điểm khác nhau trong ngày. Từ đó nêu cảm nhận của em về thiên nhiên?</p> <p>+ Cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh được nhà văn tái hiện qua cái nhìn của ai? Nhận xét khả năng quan sát và cảm nhận về thiên nhiên của nhân vật ấy?</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp.</p> <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p>- Không gian: trong rừng tràm U Minh</p> <p>- Thời gian:</p> <p>+ Buổi sáng: không khí mát lạnh, ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên đầu hoa tràm</p> <p>+ Buổi trưa: bóng nắng bắt đầu lên, gió cũng bắt đầu thổi rạo rạo; làn hơi đất nhẹ nhàng thổi lên nhẹ nhàng dần tan theo hơi ấm mặt trời; chim hót líu lo; nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất; cuộc sống của các con vật (kì nhông, Luốc, bầy chim..)</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p>- Gv chuyển ý: Vẻ đẹp thiên nhiên đầy chất thơ, hoang dã cùng sức sống kì diệu của các loài sinh vật nơi đây đã tạo nên sức lôi cuốn, hấp dẫn với</p>	<p>lành.</p> <p>+ Buổi trưa: tràn đầy ánh nắng, ngây ngất hương thơm hoa tràm, tiếng chim hót líu lo và hàng ngàn con chim bat lên; những loài cây và màu sắc của từng phiến lá, những loài côn trùng bé nhỏ, kì lạ; thế giới loài ong nhiều bí ẩn...</p> <p>→ Vẻ đẹp đầy chất thơ, hoang dã của rừng U Minh, sức sống đa dạng của các loài sinh vật mang đến sự hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.</p> <p>- Cảnh sắc thiên nhiên được tái hiện qua cái nhìn của nhân vật An → khả năng quan sát tinh tế, trong sáng, biết phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.</p>
---	--

người đọc về mảnh đất phương Nam xa xôi. Vậy con người, cuộc sống nơi đây ra sao?

**Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu tính cách các nhân vật tía nuôi**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ và đặt câu hỏi cho HS, yêu cầu HS làm việc cặp đôi: *Tìm hiểu nhân vật tía nuôi của An, qua đó em có cảm nhận gì về nhân vật này?*

Đặc điểm	Chi tiết
Ngoại hình	
Cử chỉ	
Lời nói, cách ứng xử với An	

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo bàn, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

Đặc điểm	Chi tiết
Ngoại hình	- Bên hông lưng lủng chiếc túi da beo, lưng mang cái gùi, tay cầm chà gạc.
Cử chỉ	- Ông vung tay lên một cái, đưa con dao rừng rất sắc phật ngang một nhánh gai và dùng cái mấu cong...

**2. Các nhân vật trong truyện**

*a. Tía nuôi*

- Hình dáng bên ngoài: toát lên vẻ đẹp của một người lao động từng trải, can đảm: vóc dáng khoẻ mạnh, vững chãi; cử chỉ mạnh mẽ, dứt khoát,...

- Lời nói, cách cư xử của ông với An thể hiện sự quan tâm, tình yêu thương dành cho cậu con nuôi.

- Ông gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi và bảo vệ đàn ong, trân trọng sự sống.

→ là một người lao động dày dạn kinh nghiệm; tính cách mạnh mẽ; giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên.

	- Tía nuôi đã định sẵn cho chúng nó về một nơi đóng tổ.	
Lời nói, cách ứng xử	- Nhắc hai con dừng lại nghỉ, ăn cơm xong hãy đi. - Nghe tiếng An thở phía sau đã biết cậu bé mệt và cần nghỉ chân.	
<p>- Gv bổ sung kiến thức: Tía nuôi của An là một người lao động dày dạn kinh nghiệm; tính cách mạnh mẽ; giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên. Những vẻ đẹp đó được thể hiện qua ngoại hình; qua cách ứng xử của ông với cậu bé An, với thiên nhiên. Đặc biệt An dù là con nuôi nhưng được ông yêu thương, quan tâm không khác gì con đẻ. Điều đó đã thể hiện được vẻ đẹp của con người mảnh đất phương Nam, hồn hậu, chất phác, chân tình.</p> <p><b><u>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật Cò và An</u></b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS chia thành bốn nhóm, đọc và trả lời các câu hỏi:</p> <p><b><u>Nhóm 1,3:</u></b></p> <p>+ Cò đi rừng như thế nào? ++Cò đã giảng giải cho An những gì? Cò có những hiểu biết gì về săn chim, rừng U Minh?</p> <p><b><u>Nhóm 2,4:</u></b></p> <p>+ An cảm nhận như thế nào về tía má nuôi, về Cò? Chi tiết nào thể hiện điều đó? + An suy nghĩ gì khi nghe má nuôi kể về cách “ăn ong” của người dân U Minh? - GV đặt câu hỏi cả lớp: Qua tìm hiểu</p>		<p><b><u>b. Nhân vật Cò</u></b></p> <p>- Cò nhanh nhẹn, tháo vát, dẻo dai. - Cò hiểu biết rất rõ về săn chim, sự xuất hiện của ong mật, nơi ong làm tổ... → là một cậu bé sinh ra và lớn lên ở đất rừng phương Nam nên có sự am hiểu và gắn bó với thiên nhiên.</p> <p><b><u>c. Nhân vật An</u></b></p> <p>- An rất yêu quý tía, má nuôi, luôn nghĩ về họ với tình cảm gần gũi, thân thuộc, ấm áp. - Tính cách: + Giận hờn trẻ con nhưng luôn ngạc nhiên, ngưỡng mộ sự nhanh nhẹn, hiểu biết về rừng U Minh của Cò. + Thông minh, ham hiểu biết.</p>



*các nhân vật, em có nhận xét gì về con người mảnh đất phương Nam*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc lại văn bản và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm:

**\* Nhân vật Cò**

+ Cò có những hiểu biết về rừng, nhận biết bầy ong mật.

+ Có sức khỏe, dẻo dai: Cặp chân như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng.

**\* Nhân vật An:**

+ Lời nói: ôn hòa với thằng Cò, lễ độ với ba má.

+ Hành động: chen vào giữa, quây cái gùi bé; đảo mắt nhìn

+ Suy nghĩ, cảm xúc: qua lời má kể vẫn chưa hình dung về cách “ăn ong”, khi được đi thực tế thì đã so sánh được sự khác biệt ở vùng U Minh với các vùng khác trên thế giới; cảm thấy lạ lẫm vì không gian im lìm ở trong rừng; ngạc nhiên về vẻ đẹp rừng U Minh với đa dạng loài chim và âm thanh; tự ái khi hỏi Cò nhiều thứ.

+ An liên tưởng, so sánh cách “thuần hóa” ong rừng của nhiều dân tộc trên thế giới, để thấy cách “ăn ong” độc đáo của người dân vùng U Minh. Qua đó thấy được An là một cậu bé thông minh, ham tìm tòi khám phá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.

<p>- Giáo viên nhận xét: Con người phương Nam gắn bó với mảnh đất nơi họ sinh ra và lớn lên, hiểu và trân trọng cuộc sống tự nhiên quan mình. Họ cũng là những con người vừa gần gũi, bình dị, nhân hậu mà mạnh mẽ, phóng khoáng. Vậy thiên nhiên nơi đây có đặc điểm gì?</p> <p><b>Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa.</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS: <i>Qua tìm hiểu văn bản, em có nhận xét gì về nội dung và nghệ thuật thể hiện trong văn bản.</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nội dung:</b></p> <p>- Đoạn trích kể lại một lần An theo tía nuôi và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh. Lúc này, An đã có nhiều trải nghiệm mới lạ, độc đáo nơi núi rừng Nam Bộ.</p> <p>- Qua văn bản, đã thể hiện được vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên hoang sơ, kì thú, giàu có, đầy chất thơ và ấn tượng về con người phương Nam vừa gần gũi, bình dị vừa mạnh mẽ, phóng khoáng.</p> <p><b>2. Nghệ thuật</b></p> <p>- Miêu tả thiên nhiên đặc sắc.</p> <p>- Ngôn ngữ mang màu sắc Nam Bộ, thể hiện được tính cách, con người đậm chất phương Nam.</p>
--	---

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Đi lấy mật* đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra được các phương án đúng theo nội dung đã học của văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm bằng cách lần lượt nêu các câu hỏi, sau đó chốt đáp án:

**Câu 1.** Tác giả của văn bản *Đi lấy mật*?

A. Nguyễn Quang Thiều                      B. Đoàn Giỏi

C. Võ Quảng                                      D. Tô Hoài

**Câu 2.** Trong văn bản *Đi lấy mật*, không có nhân vật nào sau đây?

- A. Tía nuôi                      B. Cò  
C. An                                D. Mên

**Câu 3.** Thời điểm được nhắc đến trong phần mở đầu văn bản là

- A. Sáng sớm  
B. Buổi trưa  
C. Đầu giờ chiều  
D. Chiều tối

**Câu 4.** Theo văn bản, đây là lần đầu tiên An được theo tía nuôi và Cò đi đâu?

- A. Đi nuôi và lấy mật ong rừng  
B. Đi săn chim  
C. Đi kiếm củi trong rừng  
D. Cả A và B

**Câu 5.** Qua văn bản, con người phương Nam không hiện lên nét tính cách nào sau đây?

- A. Nhân hậu  
B. Gân gũ, bình dị  
C. Sắc sảo, lanh lợi  
D. Mạnh mẽ, phóng khoáng

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc câu hỏi trắc nghiệm về bài học *Đi lấy mật*, suy nghĩ nhanh để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>B</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>A</b>	<b>C</b>

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Đi lấy mật* để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích *Đi lấy mật*.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích Đi lấy mật.*

- GV hướng dẫn HS:

+ Có thể lựa chọn chi tiết miêu tả thiên nhiên rừng U Minh (loài cây hoặc loài vật, không khí trong rừng) hoặc chi tiết khắc họa tính cách nhân vật (ngoại hình, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 HS trình bày đoạn văn của mình trước lớp bằng cách chiếu lên bảng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày đoạn văn trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
  - + Ôn tập lại văn bản Đi lấy mật
  - + Soạn bài: *Thực hành tiếng Việt trang 24.*

## **TIẾT 6: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

### **MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS củng cố kiến thức về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- HS hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- HS biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

##### **2. Năng lực**

###### **a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

###### **b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định thành phần chính của câu được mở rộng bằng cụm từ.
- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

##### **3. Phẩm chất:**

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt.

#### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

##### **1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

##### **2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

#### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

##### **A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học về mở rộng thành phần chính của câu của câu bằng cụm từ.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS nhớ lại kiến thức đã học từ tiểu học.

**c. Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

##### **d. Tổ chức thực hiện:**

###### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm bài tập, xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau và cho biết thành phần nào sử dụng cụm từ.

Bài tập:

1. Những bạn học sinh lớp 7 đang học bài.

###### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS lên bảng xác định
- 1. Những bạn học sinh lớp 7 đang học bài.

→ Chủ ngữ là một cụm từ

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong tiết học trước, các em đã được học về mở rộng trạng ngữ trong câu bằng cụm từ. Bài học hôm nay sẽ giúp các em luyện tập về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới**

- a. **Mục tiêu:** Nắm được kiến thức về tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS trả lời các kiến thức mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ và từ láy.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
<p><b>Nhiệm vụ 1: Ôn lại kiến thức về cụm từ</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS chia nhóm.</li> <li>+ Nhóm 1: Vẽ mô hình cấu tạo cụm danh từ và đặt câu, chỉ rõ các bộ phận của cụm danh từ.</li> <li>+ Nhóm 2: Vẽ mô hình cấu tạo cụm động từ và đặt câu, chỉ rõ các bộ phận của cụm động danh từ.</li> <li>+ Nhóm 3: Vẽ mô hình cấu tạo cụm tính từ và đặt câu, chỉ rõ các bộ phận của cụm tính từ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện các nhóm treo bảng phụ, trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</li> </ul> <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td><b>Cấu tạo</b></td> <td><b>Phần phụ trước</b></td> <td><b>Phần trung tâm</b></td> <td><b>Phần phụ sau</b></td> </tr> </table>				<b>Cấu tạo</b>	<b>Phần phụ trước</b>	<b>Phần trung tâm</b>	<b>Phần phụ sau</b>	<p><b>1. Cụm từ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác dụng: mở rộng thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.</li> <li>- Các thành phần chính thường được mở rộng bằng cụm từ như cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.</li> </ul>
<b>Cấu tạo</b>	<b>Phần phụ trước</b>	<b>Phần trung tâm</b>	<b>Phần phụ sau</b>					

Cụm danh từ	Số lượng của sự vật	Danh từ	Đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.
<b>Cấu tạo</b>	<b>Phần phụ trước</b>	<b>Phần trung tâm</b>	<b>Phần phụ sau</b>
Cụm động từ	Bổ sung ý nghĩa: thời gian, khẳng định, phủ định, tiếp diễn	Động từ	Bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: đối tượng, địa điểm, thời gian,...
<b>Cấu tạo</b>	<b>Phần phụ trước</b>	<b>Phần trung tâm</b>	<b>Phần phụ sau</b>
Cụm tính từ	Bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như: mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,...	Động từ	Bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như: phạm vi, mức độ,...
<p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b>  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>			

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về tiếng việt
- Nội dung:** GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.
- Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành các bài tập trong sách giáo khoa.
- Tổ chức thực hiện:**

#### **Nhiệm vụ 1: Bài tập 1**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập và làm việc cá nhân.

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

*Gợi ý trả lời:* Nhờ việc sử dụng các câu mở rộng thành phần vị ngữ, nhà văn Đoàn Giỏi đã miêu tả được vẻ đẹp của buổi trưa trong rừng U Minh, vẻ đẹp của khu rừng được cảm nhận bằng nhiều giác quan: tiếng chim hót líu lo, hương thơm ngây ngất của hoa trà trong nắng, mấy con ki nhông nằm phơi lưng trên gốc cây và các màu sắc sinh động, luôn biến đổi trên lưng kì nhông. Nhờ sử dụng các câu văn với thành phần vị ngữ được mở rộng, đoạn văn rất giàu chất thơ.

**Nhiệm vụ 2: Bài tập 2, 3**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm

+ Nhóm 1,2:

*Bài tập 2:* Chủ ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn các cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn.

+ Nhóm 3,4:

*Bài tập 3:* Vị ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn các cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi vị ngữ được rút gọn.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất đọc câu trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

Gợi ý trả lời

***Bài tập 2:***

a. Có thể rút gọn thành phần chủ ngữ thành *Tiếng lá rơi*,... Nếu rút gọn thành *Tiếng lá rơi*, câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ sự phiếm định (một) và thời gian (lúc này).

b. Có thể rút gọn thành phần chủ ngữ thành *Phút yên tĩnh*. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ mất đi ý nghĩa miêu tả, hạn định (của rừng ban mai).

c. Có thể rút gọn thành phần chủ ngữ thành *Mấy con gà ghè*. Nếu rút gọn như vậy, câu sẽ không còn ý nghĩa chỉ đặc điểm của sự vật (sắc lông màu xanh).

***Bài tập 3:***

a. Có thể rút gọn vị ngữ thành *vẫn không rời tổ ong*. Khi rút gọn, vị ngữ sẽ không nêu được thông tin về đặc điểm và vị trí của tổ ong (lúc nhúc trên cây trà thấp kia).

b. Có thể rút gọn vị ngữ thành *im lặng*. Khi rút gọn, vị ngữ sẽ không nêu được thông tin về mức độ của trạng thái im lặng (quá).

c. Có thể rút gọn vị ngữ thành *lại lợp, bên bằng rom*. Khi rút gọn, vị ngữ sẽ không nêu được thông tin về đặc điểm kiểu dáng của tổ ong (đủ kiểu, hình thù khác nhau).



**Nhiệm vụ 3: Bài tập 4****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- GV gợi ý HS có thể mở rộng thành phần chủ ngữ hoặc vị ngữ/

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi 3-4 nhóm bất kì mang bài tập lên chấm. HS cả lớp chú ý theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

Gợi ý trả lời: Có thể mở rộng câu như sau

- a. Gió từ phía vườn đang thổi.
- b. Không khí ở khu rừng này thật trong lành.
- c. Đàn ong đang bay.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn có sử dụng câu, trong đó có thành phần câu được mở rộng bằng cụm từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hành viết đoạn văn: Nêu cảm nhận của em về một vùng đất em có dịp ghé thăm. Trong đoạn văn chỉ ra 1 câu văn có thành phần chính được mở rộng bằng cụm từ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS giơ tay nhanh nhất để trả lời và có tính điểm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

- + Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 7 tập 1.
- + Soạn bài: *Ngàn sao làm việc*

Ngày soạn: 12/9/2022

**TIẾT 7-8:**  
**Văn bản 3. NGÀN SAO LÀM VIỆC**  
(Võ Quảng)

## I. MỤC TIÊU

### 1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS sẽ cảm nhận được vẻ đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi, thân thuộc, vui nhộn. Bài thơ sẽ góp phần giúp các em hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ, trí tưởng tượng và tình yêu thiên nhiên.

### 2. Năng lực

#### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

#### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ngàn sao làm việc*.
- Năng lực đọc hiểu, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Ngàn sao làm việc*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

### 3. Phẩm chất:

- Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mỹ trước thiên nhiên, con người.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà thơ Võ Quảng
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Ngàn sao làm việc*.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ về một trải nghiệm quan sát bầu trời. hoặc cánh đồng quê.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS về một trải nghiệm của bản thân.

### d. Tổ chức thực hiện:

#### Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV mời một số HS chia sẻ về một trải nghiệm: *Chia sẻ cảm nhận của em về một lần được quan sát bầu trời trong buổi hoàng hôn, trong đêm hoặc một cảnh đẹp đồng quê mà các em yêu thích.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp về trải nghiệm của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã mạnh dạn chia sẻ trải nghiệm của mình.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

Nếu một lần được đứng giữa bầu trời cao trong, rộng lớn hay ngắm nhìn cánh đồng quê bao la bát ngát, chắc hẳn bạn đã thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên nơi đồng quê thanh bình. Nhà thơ Võ Quảng đã viết nên những cảm xúc ấy trong bài thơ *Ngàn sao làm việc*, bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về văn bản này.

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

### Hoạt động 1: Đọc văn bản

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Ngàn sao làm việc*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Ngàn sao làm việc*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được một số nét về tác giả Võ Quảng và thông tin tác phẩm *Ngàn sao làm việc*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc văn bản, khuyến khích học sinh học thuộc lòng bài thơ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc văn bản</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 2-3 đọc diễn cảm bài thơ trước lớp.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.</li> </ul>	<p><b>I. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc văn bản</b></p>

### Hoạt động 2: Khám phá văn bản

**a. Mục tiêu:** Cảm nhận được vẻ đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi, thân thuộc, vui nhộn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Ngàn sao làm việc*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Ngàn sao làm việc*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc mục giới thiệu về nhà thơ Võ Quảng. Giới thiệu về tác giả/</li> <li>- GV nêu câu hỏi: Hãy xác định đề tài, tìm bố cục, thể loại, phương thức biểu đạt của bài thơ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</li> </ul> <p>Gv giới thiệu thêm về nhà thơ Võ Quảng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông sáng tác thơ, truyện, viết kịch bản phim hoạt hình và dịch một số tác phẩm văn học nổi tiếng của thế giới</li> <li>- Năm 2007, ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật</li> <li>- Phong cách sáng tác: viết nhiều truyện và thơ cho thiếu nhi với lối viết giản dị, trong sáng, gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo</li> <li>- Một số tác phẩm tiêu biểu: <i>Nắng</i></li> </ul>	<p><b>2. Tác giả</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên: Võ Quảng</li> <li>- Năm sinh – năm mất: 1920-2007</li> <li>- Quê quán: Quảng Nam</li> <li>- Đề tài: trẻ em</li> <li>- Sự nghiệp sáng tác: thơ, truyện, viết kịch bản phim hoạt hình và dịch một số tác phẩm văn học nổi tiếng của thế giới.</li> <li>- Tác phẩm tiêu biểu: <i>Nắng sớm</i> (1965), <i>Anh đom đóm</i> (1970), <i>Quê nội</i> (1974)...</li> </ul> <p><b>3. Tác phẩm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích <i>Tuyển tập Võ Quảng</i>, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1998</li> <li>- Bố cục: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phần 1 (khổ 1 + 2): Màn đêm buông xuống, chú bé và trâu bắt đầu nghỉ ngơi</li> <li>+ Phần 2 (khổ 3, 4, 5): Ngàn sao làm việc dưới góc nhìn của chú bé chăn trâu</li> <li>+ Phần 3 (khổ cuối): Bình minh lên, kết thúc một đêm làm việc của những vì sao</li> </ul> </li> <li>- Thể loại: thơ năm chữ</li> <li>- Phương thức biểu đạt: biểu cảm</li> </ul>

*sớm (1965), Anh đom đóm (1970), Quê nội (1974)...*

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu khung cảnh thiên nhiên chiều tối**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ và đặt câu hỏi cho HS, yêu cầu HS làm việc cặp đôi:  
+ *Cảnh vật ở hai khổ thơ đầu được miêu tả trong khoảng thời gian, không gian nào? Tìm những từ ngữ thể hiện điều đó.*

+ *Theo em, nhân vật "tôi" trong bài thơ là ai? Nhân vật tôi đang làm gì? Nhân vật tôi có tâm trạng vui, có cảm giác thư thái, bình yên hay buồn bã, lo lắng, vội vàng*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo bàn, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.

- Gv bổ sung: Trên cánh đồng quê, trời chuyển dần về tối cũng là lúc con người được nghỉ ngơi, cảnh vật trở nên yên tĩnh và thật thanh bình. Trong khung cảnh ấy, nhân vật tôi cũng cảm thấy vui tươi, hạnh phúc sau một ngày lao động vất vả. Cả người và trâu đi giữa trời đêm như bước giữa ngàn sao.

**Nhiệm vụ 3: Khung cảnh bầu trời đêm**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

**III. Đọc – hiểu văn bản**

**1. Khung cảnh thiên nhiên chiều tối**

- Thời gian: bóng chiều, trời tối mờ,  
- Không gian: đồng quê đang xanh thẫm, trời yên tĩnh, ngàn sao  
→ Cảnh đồng quê vào buổi chiều thanh bình và yên tĩnh.

- Nhân vật “tôi” cảm thấy vui vẻ, thư thái, trở về nhà sau một ngày lao động.

**2. Khung cảnh bầu trời đêm**

- Bầu trời đêm hiện lên với ngàn sao đang tỏa sáng: sông Ngân Hà, sao Thần Nông, sao Hôm, Đại Hùng tinh.  
→ Khung cảnh rộng lớn, mênh mông,

<p><b>học tập</b>        - GV yêu cầu HS đọc lại khổ thơ 3,4,5 và trả lời câu hỏi:        + <i>Khổ thơ đã nhắc đến những sự vật nào? Hãy đọc chú thích để hiểu về các chi tiết đó.</i>        + <i>Qua các chi tiết trong trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”, hãy nêu ấn tượng chung về khung cảnh bầu trời đêm.</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b>        - HS đọc lại văn bản và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b>        - GV mời 3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.        Dự kiến sản phẩm:        - Ngân Hà: tên gọi của dải thiên hà, gồm nhiều ngôi sao tạo thành. Những đêm trời quang, Ngân Hà hiện lên thành một dải trắng, bạc nổi bật trên nền trời.        - Thần Nông: Chòm sao gồm 10 ngôi sao, một phân được sắp xếp như hình chữ M.        - Sao Hôm: tên gọi của sao Kim        - Đại Hùng tinh: chòm sao gấu lớn, gồm 7 ngôi sao, có hình dáng như một chiếc gàu múc nước.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b>        - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p><b>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nghệ thuật</b>  <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b>        - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi:        + <i>Tác giả đã sử dụng nghệ thuật tu từ</i></p>	<p>tất cả tạo nên một không khí tươi vui, rộn rã.</p> <p>- Nghệ thuật: so sánh        • Dải Ngân Hà như một dòng sông.        • Chòm sao Thần Nông như chiếc vỏ bồng vàng.        • Những sao dọc ngang như tôm cua bơi lội.</p>
--	--

<p>nào để miêu tả bầu trời sao</p> <p>+ Hãy chỉ ra những hình ảnh so sánh được nhà thơ sử dụng để miêu tả dải Ngân Hà và các chòm sao Đại Hùng, Thần Nông; sao Hôm.</p> <p>+ Tìm nét chung ở những hình ảnh so sánh trên.</p> <p>+ Chọn phân tích một vài chi tiết gọi tả đặc sắc.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p><b>Dự kiến sản phẩm:</b></p> <p>* Những hình ảnh so sánh được nhà thơ sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải Ngân Hà như một dòng sông.</li> <li>- Chòm sao Thần Nông như chiếc vó búng vàng.</li> <li>- Những sao dọc ngang như tôm cua bơi lội.</li> <li>- Sao Hôm như đuốc đèn soi cá.</li> <li>- Chòm sao Đại Hùng như chiếc gàu tát nước.</li> </ul> <p>* Nét chung của các hình ảnh so sánh trong đoạn thơ là: hầu hết các chòm sao đều được so sánh với những vật dụng lao động của người nông dân (chiếc vó, chiếc nơm, đuốc đèn soi cá, chiếc gàu,...). Vì vậy, hình ảnh bầu trời đêm gọi liên tưởng đến khung cảnh lao động của người nông dân: rất quen thuộc, gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sao Hôm như đuốc đèn soi cá.</li> <li>• Chòm sao Đại Hùng như chiếc gàu tát nước.</li> </ul> <p>- Hầu hết các chòm sao đều được so sánh với những vật dụng lao động của người nông dân (chiếc vó, chiếc nơm, đuốc đèn soi cá, chiếc gàu,...).</p> <p>→ Tác dụng: những chòm sao hiện lên gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui như những con người đang mải miết, cần mẫn, hăng say trong công việc lao động thường ngày.</p> <p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nội dung:</b></p> <p>- Bài thơ là bức tranh thiên nhiên sống động, ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên vẻ đẹp huyền</p>
--	---

<p>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p><b>Nhiệm vụ 5: Tổng kết</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV đặt câu hỏi: Qua văn bản, em hãy rút ra nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản. <i>bình yên hay buồn bã, lo lắng, vội vàng</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS làm việc theo bàn, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.</p>	<p>điều của trời đêm. Lao động và biết đoàn kết, yêu thương đã làm cho vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu</p> <p><b>2. Nghệ thuật</b></p> <p>- Ngôn ngữ giàu hình ảnh</p> <p>- Giọng điệu hồn nhiên.</p>
---	--

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Ngàn sao làm việc* đã học.

**b. Nội dung:** GV giao bài tập, HS thực hiện nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** HS vẽ sơ đồ tư duy về nội dung văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung bài học

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu, suy nghĩ hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

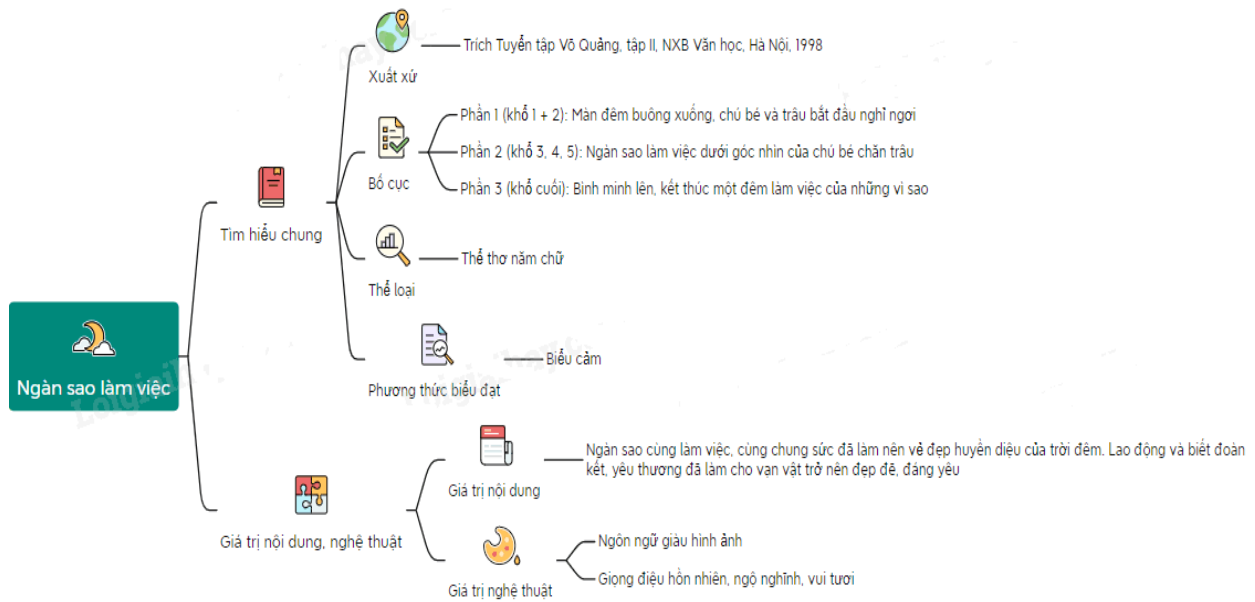
- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

Sơ đồ tư duy gợi ý:





### D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Ngàn sao làm việc* để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong bài thơ *Ngàn sao làm việc*
- c. **Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

#### Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày cảm nhận của em về bầu trời đêm được miêu tả trong bài thơ.*

#### Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn.

#### Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 HS trình bày, đọc đoạn văn của mình trước lớp.

#### Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày đoạn văn trước lớp. GV chấm điểm

#### \* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:
  - + Ôn tập lại văn bản *Ngàn sao làm việc*.
  - + Soạn bài: *Tóm tắt một VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài*

Ngày soạn: 16/9/2022

## TIẾT 9-10: VIẾT

### TÓM TẮT VĂN BẢN THEO NHỮNG YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS biết tóm tắt một VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài, đảm bảo được nội dung chính của VB.

##### 2. Năng lực

###### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

###### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập tóm tắt văn bản.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng Việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

##### 3. Phẩm chất:

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt.

#### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

##### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

##### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

#### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

##### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.*

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã bao giờ tóm tắt một văn bản chưa? Hãy kể lại mục đích của việc tóm tắt tình huống sử dụng văn bản tóm tắt đó.*

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

##### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tóm tắt văn bản giúp chúng ta nắm được nội dung của một văn bản một cách ngắn gọn, rõ ràng nhất, rút bớt những thông tin không cần thiết. Bài học hôm nay sẽ giúp các em nắm được kỹ năng tóm tắt văn bản theo các yêu cầu khác nhau về độ dài.*

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

### Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với văn bản tóm tắt

- a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu về tóm tắt một VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài, đảm bảo được nội dung chính của VB.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời các yêu cầu đối với văn bản tóm tắt.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS dựa vào nội dung SHS, trình bày các yêu cầu đối với VB tóm tắt (trang 27).</li> <li>- GV yêu cầu: hãy nêu những điều em còn chưa rõ về yêu cầu với văn bản tóm tắt.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</li> </ul>	<p><b>- Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.</li> <li>• Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.</li> <li>• Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.</li> <li>• Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.</li> </ul>

### Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài tóm tắt tham khảo

- a. Mục tiêu:** nắm được các kỹ năng tóm tắt văn bản được thể hiện qua bài tóm tắt tham khảo.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng các yêu cầu tóm tắt văn bản để phân tích bài tham khảo.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b>	<b>2. Phân tích bài tóm tắt tham</b>

<p>- GV giới thiệu: SHS có hai VB tóm tắt truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh mà các em đã được học ở lớp 6.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu đối với VB tóm tắt được thể hiện trong VB 1 và VB 2 thông qua trả lời các hỏi sau:</p> <p>+ VB tóm tắt có phản ánh trung thành nội dung của VB gốc không?</p> <p>+ VB tóm tắt có trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc không?</p> <p>+ Nêu một số từ ngữ quan trọng của VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt.</p> <p>+ Nhận xét về độ dài của VB tóm tắt 1 và 2.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p><b>khảo</b></p> <p>- Hai VB tóm tắt đều phản ánh trung thành nội dung của VB gốc. Trong hai VB tóm tắt, người tóm tắt không đưa vào những thông tin vốn không có trong VB gốc hay những đánh giá, nhận xét chủ quan về các sự việc trong câu chuyện.</p> <p>- Hai VB tóm tắt đã trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc.</p> <p>- Một số từ ngữ quan trọng trong VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt như: Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương Sơn Tinh - chúa miền non cao, Thủy Tinh - chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận, thua,...</p> <p>- VB 1 có dung lượng 4 câu, VB 2 có dung lượng 12 câu. VB 2 đã miêu tả sự việc kĩ hơn so với VB 1.</p>
---	--

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

- a. **Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết tóm tắt văn bản
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS áp dụng các yêu cầu tóm tắt để viết bài.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 8-10 câu) tóm tắt văn bản Bầy chim chìa vôi.</p> <p>- GV hướng dẫn HS:</p> <p>+ Đọc kĩ văn bản gốc</p> <p>+ Xác định nội dung chính cần tóm tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác định nội dung cốt lõi của toàn VB: Mên và Mon lo lắng cho bầy chim chìa vôi non, sợ chúng bị chết đuối khi thấy mưa to và nước dâng cao ngoài bãi sông. Hai anh em đã đi dò ra bãi cát</li> </ul>	<p><b>3. Thực hành viết bài</b></p> <p>- Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí.</p> <p>- Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.</p> <p>- Chú ý bảo đảm yêu</p>

giữa sông để cứu tổ chim sắp bị ngập nước và xúc động khi chứng kiến cảnh đàn chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước không lồ bay lên.

- Xác định các phần và tìm ý chính của từng phần trong VB
- Tìm ý chính của từng phần bằng cách hoàn thành sơ đồ sau:
- GV yêu cầu HS nêu các từ ngữ quan trọng của



VB. Đó là các từ ngữ: hai anh em Mên và Mon, bầy chim chìa vôi, con đò, bãi cát giữa sông,...

- GV yêu cầu HS xác định ý lớn và ý nhỏ của VB gốc.  
+ Căn cứ vào yêu cầu về độ dài của VB để lựa chọn ý lớn, ý nhỏ cho VB tóm tắt.

### Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để viết bài.

### Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS hoàn thiện bài viết và nộp bài.

### Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

- GV lưu ý HS khi tóm tắt VB tự sự, để có VB tóm tắt ngắn gọn, cần chú ý lựa chọn các sự việc chính; còn để VB tóm tắt có dung lượng lớn hơn, cần mở rộng các sự việc bằng những chi tiết tiêu biểu trong VB.

câu về độ dài của văn bản tóm tắt.

## C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hành viết bài

b. Nội dung: GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS viết bài theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

### Nhiệm vụ 1: Bài tập 1

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS viết văn bản tóm tắt theo yêu cầu.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại văn bản vừa viết theo các yêu cầu với văn bản tóm tắt.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Nội dung đúng với văn bản gốc.	- Lược bỏ các thông tin không có trong văn bản gốc và những ý kiến bình luận của người tóm tắt (nếu có).
Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.	Bổ sung những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc (nếu thiếu); lược bớt các chi tiết thừa, không quan trọng (nếu có).

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện kiểm tra lại bài làm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thành và nộp bài viết.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học

+ Soạn bài: *Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm*

## TRẢ BÀI

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực tiếp nhận văn bản, hợp tác, cảm thụ, thưởng thức tác phẩm.

##### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập tóm tắt văn bản.

- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

#### 3. Phẩm chất:

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án

- SGK

- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

b. Nội dung: GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

c. Sản phẩm: Hs chuẩn bị kiến thức đã có trong đề kiểm tra

d. Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra về tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.*

#### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1: Hướng dẫn HS chữa bài kiểm tra**

a. Mục tiêu: Biết được cách làm, đáp án bài làm đúng nhất.

b. Nội dung: HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS so sánh bài làm với đáp án.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chiếu đáp án lên máy chiếu. Yêu cầu HS quan sát đáp án và xem lại bài viết của mình</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</li> </ul>	<p><b>I. Tìm hiểu đề</b></p> <p>Viết đoạn văn (khoảng 8-10 câu) tóm tắt văn bản <i>Bầy chim chìa vôi</i>.</p>

**Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm**

a. Mục tiêu: Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm học tập: HS rút kinh nghiệm bài viết.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét chung về ưu nhược điểm của HS để rút kinh nghiệm.</li> <li>- GV nêu kết quả cụ thể.</li> <li>- GV hướng dẫn HS sửa lỗi.</li> <li>- GV trả bài và lấy điểm vào sổ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS</b></p>	<p><b>II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM:</b></p> <p><b>1. Ưu điểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề.</li> <li>+ Trình bày khoa học.</li> </ul> <p><b>2. Nhược điểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số em chưa biết cách làm bài : <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chưa biết tóm tắt văn bản, chưa xác định được nội dung trọng tâm nên bài làm lan man, thiếu ý.</li> <li>+ Nhiều em lười không viết bài hoặc bài làm sơ sài</li> </ul> </li> <li>* Diễn đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic.</li> <li>- Lời văn : Một số em viết bài cảm nhận chưa đạt yêu cầu.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>



<p><b>thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</li> <li>- Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ viết : Âu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học.</li> <li>- Nhiều bài chưa chịu suy nghĩ làm bài, làm đối phó.</li> <li>- Có em không hiểu yêu cầu đề văn cảm nhận.</li> <li>- Phê bình nhiều em chưa nộp bài</li> </ul> <p><b>3. Kết quả:</b></p> <p><b>4. Hướng dẫn chữa bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỗi chính tả : l - n, ch - tr, gi-d-r...</li> <li>- Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ.</li> </ul> <p><b>III. Trả bài – Gợi điểm:</b></p>
---	---

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

#### Nhiệm vụ 1:

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Tóm tắt văn bản **Đi lấy mật** bằng một đoạn văn ngắn (7-10 câu).

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

### D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại văn bản vừa viết theo các yêu cầu với văn bản tóm tắt.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

*Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài kiểm tra tóm tắt văn bản theo yêu cầu độ dài ngắn khác nhau.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và viết ra giấy.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS đại diện trình bày.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:
  - + Xem lại nội dung bài học
- + Soạn bài: ***Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm***

Ngày soạn: 20/9/2022

## TIẾT 11-12: NÓI VÀ NGHE TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.
- HS tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

##### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.
- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

#### 3. Phẩm chất:

- HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

#### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.*

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dành khoảng 5 phút để tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà .

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong cuộc sống, có những vấn đề chúng ta quan tâm và muốn chia sẻ cho người khác. Vậy làm thế nào để trao đổi vấn đề với người khác đạt được hiệu quả giao tiếp như chúng ta mong muốn? Bài học hôm nay sẽ giúp các em thực hành và tìm hiểu cách trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

- a. Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài nói đã được chuẩn bị trước ở nhà.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS xem lại yêu cầu của đề đã nêu trong tiết học trước: Nêu suy nghĩ của em về việc sử dụng thiết bị công nghệ.</li> <li>- GV yêu cầu HS xem lại dàn ý bài nói của mình, đánh dấu ý quan trọng, các từ khóa.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe yêu cầu, xem lại bài nói.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</li> </ul>	<p><b>1. Chuẩn bị bài nói</b></p> <p>Câu chuyện của các bạn nhỏ trong hai văn bản <i>Bầy chim chìa vôi</i> và <i>Đi lấy mật</i> chắc hẳn gợi cho em nhiều suy nghĩ và cảm xúc về thế giới tuổi thơ. Từ thực tế cuộc sống của mình và những điều học hỏi được qua sách báo, phương tiện nghe nhìn, em hãy trao đổi với các bạn về một vấn đề mà em quan tâm.</p>

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

- a. Mục tiêu:** nắm được các kỹ năng khi trình bày bài nói.
- b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp
- c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng các yêu cầu tóm tắt văn bản để phân tích bài tham khảo.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS trình bày theo nhóm 3: mỗi HS trình bày trong 5 phút,</li> <li>- GV cho HS trình bày trước lớp: đại diện các nhóm 3-4 HS trình bày</li> </ul>	<p><b>2. Trình bày bài nói</b></p>

<p>- GV lưu ý HS cần tận dụng các lợi thế giao tiếp bằng lời như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài nói.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	
--	--

### Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói

- Mục tiêu:** Nắm được tiêu chí đánh giá bài nói và đưa ra được nhận xét về bài nói.
- Nội dung:** HS sử dụng phiếu đánh giá theo tiêu chí để đánh giá bài nói của bạn.
- Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành phiếu đánh giá theo tiêu chí.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV tổ chức cho HS trao đổi về bài nói về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Những nội dung hoặc điểm còn chưa rõ trong bài trình bày.</li> <li>+ Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.</li> <li>+ Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.</li> </ul> <p>- GV phát phiếu đánh giá theo tiêu chí, HS hoàn thành.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS nghe yêu cầu, thực hiện nhận xét bài nói và đánh giá vào phiếu.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày nhận xét và thảo luận về những ý kiến đóng góp</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p>	<p><b>3. Trao đổi bài nói</b></p>

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	
---	--

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ</b>			
<b>Nhóm:</b> .....			
<b>Tiêu chí</b>	<b>Mức độ</b>		
	<b>Chưa đạt (0 điểm)</b>	<b>Đạt (1 điểm)</b>	<b>Tốt (2 điểm)</b>
1. Thể hiện ý kiến của người nói về một vấn đề mà mình quan tâm	Chưa thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống.	Thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống	Thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống một cách rõ ràng, ấn tượng
2. Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng	Chưa đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng phù hợp với vấn đề bàn luận.	Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng phù hợp với vấn đề bàn luận.	Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, sâu sắc, tiêu biểu, phù hợp với vấn đề bàn luận.
3. Nói rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe; nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần	Nói rõ nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói rõ, truyền cảm, hầu như không lặp lại hay ngập ngừng.
4. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chi, điệu bộ, nét mặt...) phù hợp.	Điệu bộ thiếu tự tin, chưa có sự tương tác (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp với nội dung trình bày.	Điệu bộ tự tin, có sự tương tác (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt biểu cảm khá phù hợp với nội dung trình bày.	Điệu bộ rất tự tin, có sự tương tác tích cực (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt biểu cảm rất phù hợp với nội dung trình bày.
5. Trao đổi tích cực với người nghe	Chưa trao đổi được với người nghe.	Trao đổi được với người nghe một số nội dung cơ bản.	Trao đổi tích cực với người nghe những vấn đề đặt ra.
<b>TỔNG ĐIỂM: ...../10 ĐIỂM</b>			

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

- a. **Mục tiêu:** HS thực hành bài tập.
- b. **Nội dung:** HS trao đổi và sửa lại bài viết theo nhóm.
- c. **Sản phẩm học tập:** Bài nói được chỉnh sửa
- d. **Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Bài tập 1****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chữa lại bài viết theo góp ý, nhận xét của GV và các nhóm.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài nói của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại văn bản vừa viết theo các yêu cầu với văn bản tóm tắt.

- c. **Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

- d. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện kiểm tra lại bài làm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thành và nộp bài viết.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

- + Xem lại nội dung bài học

- + Soạn bài: **Củng cố, mở rộng và Thực hành đọc.**

Ngày soạn: 26/9/2022

## **TIẾT 13** **CỦNG CỐ, MỞ RỘNG VÀ THỰC HÀNH ĐỌC**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS ôn tập, nắm vững được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện đã học.
- HS nắm được cách tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài và trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

#### **2. Năng lực**

##### **a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

##### **b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.
- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

#### **3. Phẩm chất:**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc.

### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

#### **1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

#### **2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

#### **A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Củng cố, mở rộng và thực hành đọc*.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Hãy kể tên các văn bản em đã được học trong *Bài 1. Bầu trời tuổi thơ*.

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.



**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Những kỉ niệm tuổi thơ sẽ trở thành một phần kí ức tươi đẹp trong mỗi chúng ta. Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn lại các văn bản đã học trong chủ đề và thực hành đọc văn bản *Ngôi nhà trên cây*.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: củng cố, mở rộng**

- a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài tập của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM																
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS xem lại các bài tập đã hoàn thành ở nhà. Đại diện các nhóm trình bày theo bảng:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Văn bản</th> <th>Đề tài</th> <th>Ấn tượng chung về văn bản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Bầy chim chìa vôi</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Đi lấy mật</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Ngàn sao làm việc</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- GV yêu cầu HS lựa chọn một chi tiết tiêu biểu hoặc nhân vật em yêu thích trong ba văn bản và cho biết trải nghiệm nào của bản thân giúp em hiểu thêm về chi tiết, nhân vật đó.</p>				STT	Văn bản	Đề tài	Ấn tượng chung về văn bản	1	Bầy chim chìa vôi			2	Đi lấy mật			3	Ngàn sao làm việc			<p><b>I. Củng cố mở rộng</b></p> <p><i>Bài 1:</i></p> <p> </p> <p><i>Bài 2:</i></p>
STT	Văn bản	Đề tài	Ấn tượng chung về văn bản																	
1	Bầy chim chìa vôi																			
2	Đi lấy mật																			
3	Ngàn sao làm việc																			
<p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung.</li> <li>- HS tự lựa chọn chi tiết mình yêu thích để trình bày</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện 2-3 HS trình bày</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p>																				

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.			
<b>Bài 1:</b>			
STT	Văn bản	Đề tài	Ấn tượng chung về văn bản
1	Bầy chim chìa vôi	Đề tài trẻ em	Văn bản đã để lại ấn tượng về tình cảm của hai anh em với bầy chim chìa vôi khi mưa to trút xuống.
2	Đi lấy mật	Đề tài gia đình, trẻ em	Con người và đất rừng phương Nam đều tuyệt đẹp. Thiên nhiên đất rừng thì hùng vĩ còn con người thì luôn hăng say với công việc, họ có kinh nghiệm trong chính công việc gắn liền với khu rừng.
3	Ngàn sao làm việc	Đề tài thiếu nhi, lao động	Ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên vẻ đẹp huyền diệu của trời đêm. Lao động biết đoàn kết, yêu thương đã làm cho vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu.

## Hoạt động 2: Thực hành đọc

- a. **Mục tiêu:** nắm được các nội dung khi đọc một tác phẩm truyện.
- b. **Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp
- c. **Sản phẩm học tập:** HS áp dụng các yêu cầu tóm tắt văn bản để phân tích bài tham khảo.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc văn bản Ngôi nhà trên cây và suy nghĩ, trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ Đề tài của đoạn trích</p> <p>+ Những chi tiết miêu tả suy nghĩ của nhân vật Tốt-tô-chan về Ya-ma-mô-tô-Ya-su-a-ki</p> <p>+ Đặc điểm tính cách của hai nhân vật Tốt-tô-chan và Ya-ma-mô-tô-Ya-su-a-ki</p> <p>+ Bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS đọc truyện và trả lời câu hỏi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p>	<p><b>II. Thực hành đọc</b></p> <p>a. Đề tài: tình bạn</p> <p>b. Chi tiết miêu tả suy nghĩ của nhân vật Tốt-tô-chan về Ya-ma-mô-tô-Ya-su-a-ki</p> <p>- Mỗi lần bạn bước đi, cái chân lại bị kéo lê theo, mỗi lần đi bạn lắc lư rất mạnh... nhưng khi nhìn một lúc Tốt-tô-chan hiểu ra không phải bạn cố tình mà nó là như thế.</p> <p>c. Đặc điểm tính cách:</p> <p>- Tốt-tô-chan: một người bạn cởi mở, tốt bụng, biết cảm thông và chia sẻ khó khăn với bạn.</p>

<p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>- <i>Ya-ma-mô-tô-Ya-su-a-ki: hiền lành, nhẹ nhàng và quý trọng tình bạn với Tô-tô-chan.</i></p> <p>d. Bài học qua câu chuyện</p> <p>- Trong cuộc sống, có những người bạn kém may mắn hơn chúng ta. Hãy chia sẻ, cảm thông và giúp đỡ họ.</p>
--	--

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** HS thực hành bài tập.
- Nội dung:** HS trao đổi và hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:** Hoàn thành bài tập.
- Tổ chức thực hiện:**

#### Nhiệm vụ 1:

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 3:

Hãy chọn một tác phẩm truyện mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định đề tài của truyện.
- Kể tên các nhân vật và nêu đặc điểm tính cách của nhân vật chính.
- Liệt kê các sự việc tiêu biểu của cốt truyện. Dựa vào các sự việc đó để tóm tắt nội dung cốt truyện.

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và hoàn thành bài tập, lựa chọn truyện mình yêu thích và xác định đề tài, nhân vật, tính cách nhân vật, các sự việc tiêu biểu của truyện.

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài làm của mình và đại diện 2-3HS trình bày trước lớp.

##### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

### D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để tìm thêm các văn bản đã đọc, cùng chủ đề Bầu trời tuổi thơ với các văn bản đã học
- Sản phẩm học tập:** Các tác phẩm cùng chủ đề
- Tổ chức thực hiện:**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: Hãy kể tóm tắt một truyện em đã từng đọc cùng chủ đề về kí ức, kỉ niệm tuổi thơ mà em yêu thích và chia sẻ cảm nhận của em về truyện đọc đó.

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện kiểm tra lại bài làm.

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Hs hoàn thành và nộp bài viết.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học

+ Soạn bài: ***Bài 2. Khúc nhạc tâm hồn***